



ANH: ĐẶNG TUYẾN

TIẾP CẬN BASEL III TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. ĐẶNG VĂN DÂN

Giới thiệu

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, rủi ro thanh khoản được xem là loại rủi ro cực kỳ nguy hiểm, có thể gây ra hàng loạt tác động nghiêm trọng đến hệ thống ngân hàng, từ giảm uy tín đến phá sản ngân hàng, kể cả làm sụp đổ cả hệ thống. Từ đó, các ngân hàng hiện nay đều nhận thức được tầm quan trọng của quản trị rủi ro thanh khoản và tích cực triển khai các chiến lược quản trị khoa học, đúng đắn và phù hợp với thông lệ quốc tế, trong đó triển khai Basel III được xem là một định hướng tiến bộ và hiệu quả. Bài viết trên nền tảng phân tích những rủi ro xuất phát từ yếu tố thanh khoản đến hệ thống ngân hàng, sẽ trình bày nội dung của Basel III liên quan đến quản trị rủi ro thanh khoản và tình

hình ứng dụng Basel ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó sẽ đề xuất một số ý kiến xây dựng mang tính nền tảng tiếp cận để việc ứng dụng Basel III trong quản trị rủi ro thanh khoản ở Việt Nam trong tương lai được hiệu quả hơn.

Rủi ro thanh khoản và tính cần thiết của quản trị rủi ro thanh khoản ngân hàng

Theo định nghĩa của Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking Supervision - BCBS) thì: "Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà một định chế tài chính không đủ khả năng tìm kiếm đầy đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày và cũng không gây tác động đến tình hình tài chính". Như vậy, rủi ro thanh khoản xảy ra khi

ngân hàng không thể tìm đủ nguồn tiền để đáp ứng nhu cầu chi trả hoặc trong trường hợp tìm được nhưng phải gánh chi phí cao. Rủi ro thanh khoản được xem là loại rủi ro thường trực trong hoạt động kinh doanh mà bất kỳ ngân hàng nào cũng có nguy cơ gặp phải, và so với các loại rủi ro khác trong kinh doanh ngân hàng thì rủi ro thanh khoản còn "càng thẳng" hơn về hiệu ứng dây chuyền và tính lây lan hệ thống.

Về phần mình, rủi ro thanh khoản có thể gây ra nhiều tác động đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng, như:

Thứ nhất, có sự đánh đổi giữa khả năng thanh khoản và khả năng sinh lời. Một khi ngân hàng lo sợ rủi ro thanh khoản sẽ xảy ra và xác định gần bó với mục tiêu thanh khoản thông

qua duy trì trạng thái thanh khoản thặng dư, nghĩa là khi đó có một lượng vốn "nằm bất động" và gây khó cho kênh đầu tư sinh lời của ngân hàng. Ngược lại, nếu ngân hàng muốn hướng tới lợi nhuận cao bằng việc sử dụng tối đa các nguồn vốn hiện có để đầu tư kiếm lời, hành động này sẽ lập tức khiến thanh khoản yếu kém, rủi ro xuất hiện.

Thứ hai, rủi ro thanh khoản xảy ra làm cho ngân hàng phải chịu nhiều tổn thất lớn tùy theo mức độ. Đầu tiên phải kể đến thiệt hại do chi phí cao để chuyển tài sản thành tiền, điều kiện tiếp cận nguồn vốn vay trên thị trường tiền tệ trở nên khắt khe hơn, từ đó tác động đến hiệu quả kinh doanh, làm cho tài sản cũng như lợi nhuận của ngân hàng giảm đi đáng kể. Không dừng lại ở đó, rủi ro thanh khoản đặc biệt ảnh hưởng xấu đến uy tín của ngân hàng trong mắt khách hàng, kéo theo hệ lụy mất khách hàng và có nguy cơ khiến ngân hàng rơi vào diện quản lý, kiểm soát chặt chẽ của cơ quan chức năng.

Thứ ba, nghiêm trọng hơn khi rủi ro thanh khoản vượt xa khỏi tầm kiểm soát của ngân hàng và nếu không có sự trợ giúp từ Ngân hàng Nhà nước sẽ đẩy các ngân hàng tới gần điểm kiệt quệ và đi đến nguy cơ phá sản. Sự kiện mất thanh khoản tuy xuất phát từ một ngân hàng nhưng có thể sẽ gây ra hiệu ứng lan toả, tác động dây chuyền tới sự ổn định của cả hệ thống ngân hàng và gây nguy hại khôn lường.

Chính vì mức độ nguy hiểm của rủi ro thanh khoản nên công tác quản trị rủi ro phải là vấn đề được hệ thống ngân hàng quan tâm hàng đầu và đầu tư đúng mức, hợp lý để triển khai thực hiện. Bản thân các ngân hàng theo đó cần phải quản lý thanh khoản với các chiến lược, chính sách sao cho cân đối, hài hoà giữa khả năng thanh khoản và khả năng sinh lời trong hoạt động. Quản trị rủi ro thanh khoản là quá trình tác động liên tục, có điểm đến rõ ràng của nhà quản trị ngân hàng lên các nguồn cung thanh khoản (tiền gửi khách hàng, tiền ngân hàng vay mượn khác...) và nguồn cầu thanh khoản

(tiền khách hàng rút, tiền khách hàng muốn vay, tiền ngân hàng trả nợ vay,...) nhằm duy trì tốt nhất khả năng chi trả và yêu cầu cấp tín dụng của ngân hàng sao cho đảm bảo những hao phí là thấp nhất. Quản trị rủi ro thanh khoản liên quan mật thiết tới sự tồn tại và phát triển của mỗi ngân hàng cũng như của toàn hệ thống.

Nội dung Basel III về quản trị rủi ro thanh khoản

Cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ tài chính và sau đó lan rộng sang kinh tế toàn cầu năm 2008 đã cho thấy những thiếu sót trong các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng, đặc biệt là vấn đề rủi ro thanh khoản. Trước những diễn biến phức tạp của khủng hoảng tài chính toàn cầu và hệ lụy lâu dài của chúng đối với hệ thống tài chính - ngân hàng trên toàn thế giới, vào ngày 12/09/2010, BCBS đã một lần nữa dự thảo và thông qua phiên bản thứ ba của hiệp ước Basel, tức Basel III về các tiêu chuẩn quản trị rủi ro ngân hàng và đây được xem là nền tảng để thiết lập trật tự thế giới tài chính mới.

Liên quan đến quản trị rủi ro thanh khoản, Basel III đã xây dựng các chuẩn mực nhằm đạt được hai mục tiêu riêng biệt nhưng bổ sung cho nhau là: (i) **Thứ nhất,** thúc đẩy khả năng phục hồi thanh khoản ngắn hạn trong danh mục rủi ro thanh khoản của một ngân hàng bằng cách đảm bảo ngân hàng nắm giữ các tài sản thanh khoản có chất lượng đủ cao để có thể chịu đựng qua một cuộc kiểm tra tăng cường kéo dài một tháng - mục tiêu này được đo lường bằng tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (Liquidity Coverage Ratio - LCR); (ii) **Thứ hai,** thúc đẩy khả năng phục hồi trong một thời gian dài hơn bằng cách tạo ra nguồn lực bổ sung để tài trợ cho các hoạt động của ngân hàng với nguồn tài chính ổn định hơn và liên tục - mục tiêu này được định lượng bằng tỷ lệ tài trợ ổn định thuần (Net Stable Funding Ratio - NSFR).

Chuẩn mực LCR trong Basel III được xác định bằng công thức:

$$LCR = \frac{\text{Dự trữ tài sản có tính thanh khoản cao}}{\text{Tổng luồng tiền ra thuần trong 30 ngày tới}}$$

Các khoản tài sản có tính thanh

khoản cao theo Basel III phải đáp ứng các điều kiện: rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường thấp; dễ dàng định giá; hệ số tương quan với các tài sản rủi ro là thấp; được niêm yết trên thị trường giao dịch phát triển và đã được công nhận rộng rãi. Theo đó, Basel III chia tài sản có tính thanh khoản cao thành hai nhóm cấp độ. Nhóm tài sản cấp độ 1 có thể được đưa vào nguồn dự trữ thanh khoản không hạn chế, tiêu biểu gồm có: tiền mặt; dự trữ tại ngân hàng Trung ương; các chứng khoán có thể bán được điển hình như các khoản cho vay đến hạn đối với hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ, ngân hàng Trung ương; các giấy tờ có giá phi rủi ro.... Trong khi đó nhóm tài sản cấp độ 2 có tính thanh khoản được đánh giá thấp hơn, có thể chiếm tối đa 40% tổng dự trữ sau khi đã tính chiết khấu.

Về tổng luồng tiền ra thuần khi tính tỷ lệ LCR, được xác định bằng tổng luồng tiền ra dự kiến trừ đi tổng luồng tiền vào dự kiến trong kịch bản kiểm tra sức chịu đựng cụ thể trong chu kỳ 30 ngày. Theo đó, tổng luồng tiền ra dự kiến được tính bằng cách nhân số dư các hạng mục hoặc loại tài sản nợ và cam kết ngoại bảng với tỷ lệ rút tiền hoặc giải ngân dự kiến; tổng luồng tiền vào dự kiến được tính bằng cách nhân số dư của các hạng mục hoặc các loại tiền phải thu theo hợp đồng với tỷ lệ theo kịch bản dự kiến - trong đó quy định mức tối đa của tổng luồng tiền vào dự kiến đạt 75% tổng luồng tiền ra dự kiến. Basel III cũng đã đưa ra danh mục quy định rất chi tiết các loại khoản mục cùng với trọng số tương ứng trong mô hình xác định dòng tiền ra thuần.

Chuẩn mực thứ hai trong Basel III về quản trị rủi ro thanh khoản là NSFR thì được tính như sau:

$$NSFR = \frac{\text{Vốn tài trợ ổn định sẵn có}}{\text{Vốn tài trợ ổn định theo yêu cầu}}$$

Chuẩn mực này được xem xét trong thời hạn một năm và giúp đảm bảo rằng các tài sản có dài hạn của ngân hàng sẽ được tài trợ ít nhất là với một số tài sản nợ ổn định về kỳ hạn hoặc về danh mục rủi ro thanh khoản, qua đó khuyến khích các ngân hàng tăng

thêm nguồn hỗ trợ dài hạn hơn.

Vốn tài trợ ổn định sẵn có là nguồn tài trợ đáng tin cậy và ổn định trong thời gian một năm trong điều kiện căng thẳng, được xác định là tổng giá trị các khoản vốn và nợ của một ngân hàng nhân với hệ số tương ứng. Nguồn vốn và nợ của ngân hàng có sự ổn định càng cao sẽ có hệ số nhân được xác định càng lớn.

Vốn tài trợ ổn định theo yêu cầu được đo lường bằng cách sử dụng các giả định của cơ quan giám sát về các đặc điểm theo nghĩa rộng của danh mục rủi ro thanh khoản của các tài sản có của ngân hàng, các giao dịch ngoại bảng và các hoạt động được lựa chọn khác. Giá trị theo quy định của vốn tài trợ ổn định theo yêu cầu được tính là tổng của giá trị tài sản có ngân hàng nắm giữ và tài trợ nhân với hệ số tài trợ ổn định yêu cầu cụ thể được quy định đối với từng loại tài sản có, cộng với giá trị các giao dịch ngoại bảng (hoặc rủi ro thanh khoản tiềm ẩn) nhân với hệ số tương ứng. Loại tài sản có càng có tính thanh khoản cao sẽ đi cùng với hệ số nhân thấp.

Lộ trình áp dụng các chuẩn mực quản trị rủi ro thanh khoản cũng đã được quy định rất cụ thể trong Basel III. Theo đó, tỷ lệ đảm bảo thanh khoản LCR cần đưa lên mức 60% từ năm 2015, tăng 10% qua mỗi năm và đạt mức 100% từ năm 2019. Còn với tỷ lệ tài trợ ổn định thuần NSFR

sẽ được giới thiệu tối thiểu vào năm 2018.

Thực trạng áp dụng Basel trong công tác quản trị rủi ro thanh khoản

Hiện nay, khi các ngân hàng trên thế giới đã đề cập tới việc áp dụng chuẩn mực Basel III thì các ngân hàng ở Việt Nam về cơ bản vẫn chưa chính thức hoàn thành triệt để bộ chuẩn mực nào của Basel. Điều này sẽ ảnh hưởng tới chất lượng quản lý rủi ro cũng như làm giảm khả năng cạnh tranh của các ngân hàng Việt Nam.

Không lâu sau ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 như đã đề cập. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 254/QĐ-TTg vào ngày 01/03/2012, phê duyệt đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 nhằm tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng vốn đang gặp nhiều khó khăn, trong đó có đề ra mục tiêu và định hướng triển khai các chuẩn mực an toàn vốn theo Basel II (phiên bản thứ hai của hiệp ước Basel ra đời ngày 26/06/2004) kể từ năm 2015. Theo đó, hiện nay ở Việt Nam đã có 10 ngân hàng được chọn thí điểm Basel II và đến năm 2018, cả 10 ngân hàng sẽ hoàn thành việc thí điểm này, sau đó dự kiến sẽ mở rộng áp dụng Basel II với các ngân hàng khác trong nước. Việc áp dụng chuẩn mực vốn Basel II sẽ giúp tạo nền tảng và định hướng tốt hơn cho các ngân hàng Việt Nam

trong việc cải thiện năng lực quản lý rủi ro, phân bổ vốn theo chuẩn quốc tế. Tuy vậy có thể thấy khoảng cách chênh lệch giữa Basel II và Basel III vẫn còn khá lớn và việc hệ thống ngân hàng của một quốc gia chuyển tiếp lên mức áp dụng bộ tiêu chuẩn quản trị rủi ro cao hơn cũng đòi hỏi không ít thời gian và nỗ lực.

Ngày 20/11/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN (Thông tư 36) quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cũng để sửa đổi, bổ sung một số nội dung cơ bản quy định trong các văn bản liên quan trước. Trục tiếp liên quan đến vấn đề rủi ro thanh khoản, Thông tư 36 có đưa ra hai chỉ tiêu đòi hỏi các ngân hàng phải tuân thủ, gồm có chỉ tiêu tỷ lệ dự trữ thanh khoản (xác định bằng tài sản có tính thanh khoản cao trên tổng nợ phải trả) và chỉ tiêu tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tương tự với chuẩn mực LCR của Basel III). Các khoản mục cần xác định trong việc tính toán hai chỉ tiêu thanh khoản này được quy định chi tiết theo luật định. Sau đó, vào ngày 27/05/2016, Thông tư 36 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2016/TT-NHNN, trong đó các chỉ tiêu về thanh khoản của ngân hàng được sửa đổi, bổ sung lại cách tính một số khoản mục chi tiết. Nhìn chung so với LCR của Basel III thì chỉ tiêu tương ứng là tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của Việt Nam hiện tại vẫn còn "mỏng" hơn, khi chỉ duy trì tối thiểu ở mức 50% trong chuẩn mực kế toán Việt Nam so với mức tăng từ 60% đến 100% của LCR trong Basel III từ năm 2015 đến năm 2019.

Một số vấn đề nền tảng cần xây dựng

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tiếp cận và triển khai áp dụng Basel III vào quản trị rủi ro thanh khoản của các ngân hàng Việt Nam, tác giả xin đề xuất một số yếu tố nền tảng cần được xây dựng hoàn chỉnh, thống nhất sắp tới:

Thứ nhất hệ thống luật pháp cần được hoàn thiện nhằm tạo ra một



Hiện nay, khi các ngân hàng trên thế giới đã đề cập tới việc áp dụng chuẩn mực Basel III thì các ngân hàng ở Việt Nam về cơ bản vẫn chưa chính thức hoàn thành triệt để bộ chuẩn mực nào của Basel.

hành lang pháp lý qua đó điều chỉnh, phát huy được tính công bằng, minh bạch giữa các ngân hàng đang hoạt động và hơn hết là để cao được tính an toàn trong hệ thống. Công tác xem xét, đối chiếu các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và qua đó đưa ra hướng điều chỉnh sao cho tiệm cận với thông lệ quốc tế cần được đề cao, cùng với đó là ban hành các văn bản giới thiệu, hướng dẫn cụ thể các điều khoản thuộc về quản trị rủi ro thanh khoản nằm trong chuẩn mực của Basel.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống giám sát hoạt động ngân hàng đảm bảo hiệu quả cao. Công tác này đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của một khung cơ chế quản lý phù hợp, trong đó phân định rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ, chức năng và nguồn lực của cơ quan giám sát; cùng với đó cần phải có các giải pháp, chế tài đủ khắt khe và mang tính răn đe phù hợp.

Thứ ba, xây dựng một hệ thống tài chính ổn định, phát triển cao dựa trên nền tảng cơ bản cần phải có của các công cụ giao dịch tài chính và cơ chế hoạt động của thị trường. Thị trường tài chính phát triển sẽ giúp tạo ra kênh huy động vốn an toàn, hiệu quả cho các ngân hàng và từ đó hỗ trợ khả năng thanh khoản cho họ trên “sân chơi” này.

Thứ tư, phát triển hệ thống thông tin hiện đại, xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu công nghệ cao, đáp ứng tối ưu yêu cầu quản trị. Có thể nói trong xu hướng quản trị rủi ro hiện đại nói chung và quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel III nói riêng, các phân tích nặng về định tính, chủ quan như trước đây đã dần bị thay thế bởi công tác nghiên cứu, đánh giá thiên về dữ liệu, để cao tính khoa học và đảm bảo độ chính xác cao đối với hầu hết các quyết định quản trị rủi ro của ngân hàng. Vì vậy việc cải tiến công nghệ, nâng cấp cơ sở dữ liệu ngày một hiện đại phục vụ quản trị rủi ro thực sự là một yêu cầu cần được các ngân hàng khẩn trương đáp ứng.

Thứ năm, hoạt động kinh doanh ngân hàng phải được minh bạch hoá tuyệt đối. Theo đó, hệ thống các báo cáo tài chính cần phải được xây dựng chuẩn mực, mang tính tuân thủ cao và phải được tổ chức kiểm toán có uy tín thẩm định một cách chặt chẽ.

Thứ sáu, tuyển chọn nguồn lực và thiết kế chương trình đào tạo hợp lý để qua đó nâng cao nhận thức rủi ro thanh khoản và kiến thức cao cấp về quản trị rủi ro, về chuẩn mực của Basel. Hướng tới đáp ứng được đội ngũ nhân sự am tường kỹ thuật, vững vàng quy định và đủ bản lĩnh triển khai các dự án quản trị rủi ro thanh khoản cho ngân hàng.

Kết luận

Hệ thống ngân hàng ở Việt Nam đang trải qua giai đoạn tái cấu trúc, đồng nghĩa với đang có những bước chuyển mình lớn và hướng đến gia nhập nhiều hơn, sâu hơn vào thị trường thế giới, bởi thế sẽ ngày càng nhạy cảm hơn với rủi ro thanh khoản. Vì vậy, việc liên tục nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế hiện đại, hiệu quả về quản trị an toàn thanh khoản như Basel III là điều hết sức cần thiết. Tuy nhiên để triển khai thực sự thành công đòi hỏi phải có nhiều yếu tố đến từ nhiều chủ thể, trong đó khả năng nhận thức và tính chủ động đến từ bản thân mỗi ngân hàng phải là yếu tố cốt lõi đi đầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bank for International Settlements (2010), Basel III: International framework for liquidity risk measurement standards and monitoring, <<http://www.bis.org/publ/bcbis188.pdf>>.
2. Ngân hàng Nhà nước (2014), Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20/11/2014, quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Ngân hàng Nhà nước (2016), Thông tư 06/2016/TT-NHNN ban hành ngày 27/05/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Agribank giữ vững...

(Tiếp theo trang 35)

nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, như: mô hình trồng hoa (Lâm Đồng), cánh đồng mấu lớn (Cần Thơ), chăn nuôi lợn (Hà Nam), mía (Khánh Hòa), ngô (Sơn La)... và bước đầu các mô hình này đã tạo sự đồng thuận cao giữa các doanh nghiệp và người dân.

Tuy nhiên, để triển khai thành công mô hình này trong tương lai, Agribank rất cần sự hỗ trợ từ Chính phủ, NHNN cùng các bộ, ngành và chính quyền địa phương phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể, kế hoạch triển khai cụ thể với các chương trình này. Các cấp chính quyền, nhất là chính quyền địa phương có sự hỗ trợ trong việc kết nối ngân hàng với doanh nghiệp và người dân.

Vì thế, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Agribank là cải tiến quy trình, phương pháp cho vay, tiết giảm chi phí để có lãi suất thấp hỗ trợ và mở rộng đầu tư tín dụng cho “Tam nông” thông qua đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc như về hạn mức vay vốn, kỳ hạn trả nợ, tài sản thế chấp... Đồng thời, Agribank đưa ra nhiều sản phẩm dịch vụ tiện ích đối với khách hàng, nhất là khách hàng khu vực nông thôn như: cho vay lưu vụ đối với hộ nông dân; cho vay chứng minh tài chính; cho vay theo hạn mức tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất; kinh doanh quy mô nhỏ; cho vay về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg, cho vay đối với khách hàng vay vốn theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; cho vay theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP, Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP; cho vay cầm cố giấy tờ có giá/thế tiết kiệm...

Trong đề án tái cơ cấu, Agribank cũng đang đề xuất Thống đốc NHNN cho triển khai mô hình “điểm giao dịch” và “Ngân hàng lưu động” để đưa vốn đến tay người nông dân được thuận lợi hơn, chi phí thấp hơn ■